

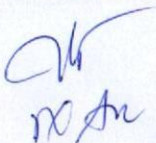
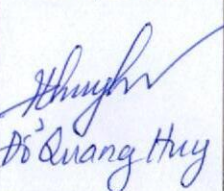
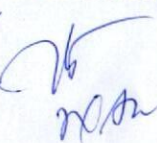
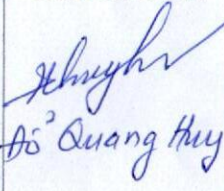
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

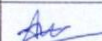
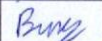
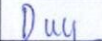
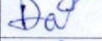
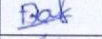
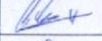
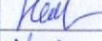
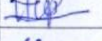
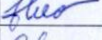
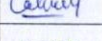
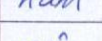
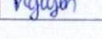
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp (228269) -
Môn học: **Nhóm 01**

CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 14
Số bài thi: 14
Số tờ giấy thi: 14

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	 Đỗ Quang Huy		 Đỗ Quang Huy

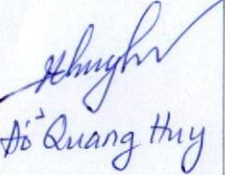
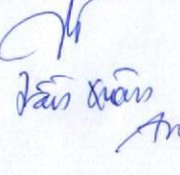
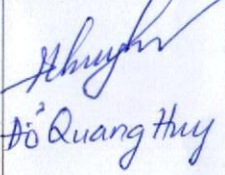
STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A						6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A						7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A						6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A						7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A						8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A						8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A						6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A						6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A						7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A						7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A						7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

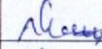
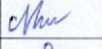
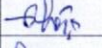
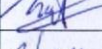
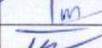
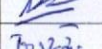
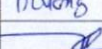
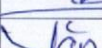
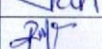
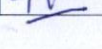
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp (228269) -
Môn học: **Nhóm 02**
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt:13.....
Số bài thi:13.....
Số tờ giấy thi:13.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Trần Xuân An	 Đỗ Quang Huy	 Trần Xuân An	 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A						6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A						6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A						6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180028	LÊ MINH THOẠI	07/02/2002	CCQ2018A						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A						7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120180034	PHAN MINH VƯƠNG	12/11/2001	CCQ2018A						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9